TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS-PT
Ngày: 15-01-2024
V/v tranh chấp về dân sự chia tài sản chung quyền sử dụng đất và tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

- Các Thẩm phán:Ông Phạm Minh Tùng;

Bà Lê Thị Trúc Phương.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/01/2024 và 15/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung quyền sử dụng đất và tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 463/2023/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đặng Thị N, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1972 (con bà N), địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Đặng Văn T, sinh năm 1972;

2.2. Đặng Văn C, sinh năm 1976;

2.3. Đặng Bé N1, sinh năm 1985;

2.4. Đặng Thị Ý, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.5. Đặng Thị T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Đặng Văn T, Đặng Văn C, Đặng Bé N1, Đặng Thị Ý: Đặng Thị T1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Là những người thừa kế của ông Đặng Văn Đ và bà Đỗ Thị M).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trương Văn T2, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Trương Thị L, sinh năm 1992, địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Đặng Thị T3, 85 tuổi.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Bà Đặng Thị N là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện trình bày: ông Đặng Ngọc M1 (chết năm 1987) và bà Nguyễn Thị T4 (chết năm 1981) có 07 người người con: Đặng Thị X (chết), Đặng Văn K (chết), Đặng Thị L1 (chết), Đặng Thị S (chết), Đặng Văn T5 (chết), Đặng Thị T3 và Đặng Thị N.

Ông M1 bà T4 có tạo lập 5.840m^2 đất thổ cư và 5.184m^2 đất ruộng và 01 căn nhà tại ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Năm 1985, ông M1 cắt chia đất cho bà X, bà S, ông T5, mỗi người một phần đất đã cất nhà ở ổn định. Còn lại bà L1, bà T3 và bà N chưa được hưởng.

Ngày 15/3/1985 A, ông M1 lập tờ chúc ngôn để lại căn nhà cho cháu nội là Đặng Văn Đ (con ông Đặng Văn K) và 01 công đất từ Quốc lộ C trở vô. Còn phần đất từ Quốc lộ C trở ra hướng ngoài sông thì cho bà T6, bà L1 và bà N (nguyên đơn).

Đến năm 1994 thì ông Đ tự ý kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2008, ông Đ sang nhượng phần đất ruộng phía trong Quốc lộ C, có năn nỉ kêu bà N ký tên để chia cho phần đất ngoài Quốc lộ C (hướng ra bờ sông), có địa chính xã lên đo và xuống trụ đá ngang 8m dài 41m, diện tích 349m^2, nhưng sau đó ông Đ nhổ bỏ trụ đá và không đồng ý giao đất, không tách thửa theo thoả thuận nên phát sinh tranh chấp từ năm 2017, đến năm 2020 thì ông Đ1 chết.

Do ông M1 là cha có lập tờ chúc ngôn năm 1985, nhưng bà là người thừa kế một phần di sản nhưng không đồng ý và không có ký tên trong tờ chúc ngôn nhưng ông Đ tự ký kê khai hết đất không thuộc về mình, nên khởi kiện và tại phiên toà yêu cầu được chia 285,5m^2, thuộc số thửa 4133, tờ bản đồ số 02.

Do phần đất tranh chấp đã được Nhà nước đền bù 01 phần dể làm Quốc lộ C, nên yêu cầu được nhận tiền bồi thường là 70.721.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn thống nhất chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đã hết và không có chứng cứ chứng minh tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Đ đã bao chiếm lại phần đất đã giao theo thoả thuận.

Nguyên đơn xác định thửa đất 4133 là tài sản chung của cha mẹ để lại chưa chia nên yêu cầu chia và được hưởng phần diện tích 285,5m2 theo đo đạc thực tế. Yêu cầu các con của ông Đ là T, C, T1, Năm, Ý giao đất.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và đất này là của cha mẽ là ông Đặng Văn Đ và Đỗ Thị M2 chết để lại. Khi còn sống thì cha mẹ có sang nhượng phần đất tranh chấp cho ông T2 nhưng chưa sang tên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn T2: cho là đất đã nhận sang nhượng và trả đủ tiền xong nhưng chưa sang tên chuyển quyền và còn đang tranh chấp. Trong vụ as1n này không có ý kiến tranh chấp về hợp đồng sang nhượng và không đồng ý theo yêu cầu của nguên đơn. Tại phiên toà cho là nếu phải giao đất cho nguyên đơn thì việc sang nhượng đất giữa 02 bên sẽ bàn bạc sau, có gì sẽ kiện thành vụ án khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị T3 cho là không tranh chấp và cũng không có yêu cầu chia đất theo yêu cầu của bà N. Nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại, còn có cho cháu là

ông Đ không thì không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung quyền sử dụng đất, diện tích 285,5m^2 thuộc số thửa 4133, tờ bản đồ số 02 (đối chiếu sang bản đồ chính quy là các thửa số 6, 10, tờ bản đồ số 10).

- Các ông, bà: Đặng Văn T, Đặng Văn C, Đặng Bé N1, Đặng Thị Ý, Đặng Thị T1 và Trương Văn T2 được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 02 (đối chiếu bản đồ chính quy là các thửa số 6, 10, tờ bản đồ số 10), đất toạ lạc xã P, huyện T, tại các mốc 2 – 3 – 4 – 5, diện tích đo đạc 285,5m^2 do ông Đặng Văn Đ đứng tên giấy CNQSDĐ cấp ngày 21/8/2017, trên đất có 01 cái trại dạng nhà nhắc tạm, 02 cây dừa và 01 cây xoài (Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 12/10/2022 kèm theo) và được nhận số tiền bồi thường 70.721.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông (Theo tờ thoả thuận ngày 14/12/2022 và Biên lai thu ngày 16/12/2022).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng khác; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/07/2023, bà Đặng Thị N có đơn kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho bà N được hưởng một phần tài sản chung của cha, mẹ để lại theo đơn khởi kiện đã trình bày.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Bà N yêu cầu các bị đơn phải chia cho bà N diện tích đất 285,5m^2.

+ Bà Đặng Thị T1 trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu của bà N, vì đất của cha mẹ thừa hưởng của ông bà để lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Vợ chồng cụ M1 (chết 1987) và cụ T4 (chết 1981) có 07 người con trong đó 05 người đã chết bà Đặng Thị X, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị L1, bà Đặng Thị S, ông Đặng Văn T5 và 02 người còn sống là bà Đặng Thị T3, bà Đặng Thị N. Các con của những người đã chết hiện không xác định được địa chỉ. Riêng ông K có con là ông Đ; các con của ông Đ, bà M2 là ông T, C, Năm, Ý, T1.

Về nguồn gốc đất là của vợ chồng cụ M1, ngày 15/3/1985 âl cụ M1 lập Tờ chúc ngôn để phân chia tài phân chia cái nhà làm phủ đường là ông Đ được hưởng. Đất từ trục lộ 30 trở vô (01 công) để cho ông Đ hưởng. Đất từ trục lộ 30 trở ra đã cắt phần cho con xong, cây trồng của cụ M1 thì ông Đ được hưởng.

Sau khi cụ M1 chết thì ông Đ được cấp giấy chứng nhận ngày 12/11/1994. Bà N cho rằng Tờ chúc ngôn bà không có ký tên nên không có giá trị, lý lẽ này là chưa phù hợp, bởi vì việc cụ M1 viết di chúc để lại tài sản và tài sản do cụ định đoạt. Bà N không đưa ra được chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp là tài sản chung chưa chia. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu của bà N. Xét thấy do không chấp nhận yêu cầu của bà N về chia tài sản chung nên những người thừa kế của ông Đ được nhận tiền bồi thường 70.721.000đ. Do đó đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bà Đặng Thị N khởi kiện ông Đặng Văn T, ông Đặng Văn C, Đặng Bé N1, bà Đặng Thị Ý, bà Đặng Thị T1 về việc tranh chấp chia tài sản chung QSDĐ và tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, Tòa nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng quy định. Bà N kháng cáo trong thời hạn nên chấp nhận. Bà N ủy quyền cho bà H; ông Đặng Văn T, ông Đặng Văn C, Đặng Bé N1, bà Đặng Thị Ý ủy quyền cho bà Đặng Thị T1; ông Trương Văn T2 ủy quyền cho bà Trương Thị L, thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm phù hợp quy định nên chấp nhận; bà Đặng Thị T3 không có yêu cầu độc lập đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, các đương sự yêu cầu xét xét xử vắng mặt bà T3 vì bà T3 không còn liên quan đến việc kháng cáo của bà N nên xét xử theo quy định.

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của cụ Đặng Ngọc M1 chết để lại; diện tích tranh chấp 285,5m^2 thuộc một phần thửa 4133 tờ bản đồ số 02, bản đồ 299 (đối chiếu bản đồ chính quy là các thửa số 6 và số 10 tờ bản đồ số 10), giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ ông Đ ngày 12/11/1994 (hiện đã tách thửa và được cấp giấy chứng nhận ngày 21/8/2017), đất tại xã P, T, tỉnh Đồng Tháp.

Xét thấy, vợ chồng cụ Đặng Ngọc M1 (chết 1987) và Nguyễn Thị T4 (chết 1981) có 07 người con, gồm bà Đặng Thị X, ông Đặng Văn K, bà Đặng Thị L1, bà Đặng Thị S, ông Đặng Văn T5 (năm người này đã chết), và bà Đặng Thị T3, bà Đặng Thị N.

Ngày 15/3/1985, cụ M1 lập Tờ chúc ngôn là do cụ đã lớn tuổi, đồng thời theo Tờ chúc ngôn cụ M1 ghi là có xét công cán của từng người con, cụ thể: Ông Đ được hưởng căn nhà để làm phủ thờ vì ông Đ ở với cụ M1 từ nhỏ đến lớn. Phần một công đất từ trục lộ 30 trở vô giao cho ông Đ sử dụng để lo việc cúng kiến ông bà. Đối với phần đất từ trục lộ 30 trở ra: *"Tôi đã cắt phần cho mỗi đứa xong, cây cối ai trồng thì nấy ăn, còn riêng cây tôi trồng thì thằng Đ ở trong nhà được hưởng bán buôn chút ít để mua nhang khói dầu đèn, còn anh em ai muốn ăn cái gì cũng phải hỏi nó"*. Theo Tờ chúc ngôn thì những người được hưởng tài sản gồm: Bà X, bà S, ông T5 mỗi người được chia một phần đất và có ghi rõ nội dung là *"có phần rồi"*; ông Đ cũng là người được chỉ định hưởng tài sản, hoàn toàn không thể hiện chia tài sản cho bà N. Tờ chúc ngôn có 02 nhân chứng là ông Đặng Văn Q (chết), ông Đặng Văn E (chết) ký tên.

Mặt khác theo khởi kiện của bà N ngày 19/10/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/5/2023 bà N yêu cầu chia tài sản chung và tại phiên tòa sơ thẩm bà H đại diện cho bà N yêu cầu các con của ông Đ chia tài sản chung là QSDĐ, vì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đã hết. Bà T1 không đồng ý chia tài sản chung vì đất đã được cụ M1 tặng cho ông Đ (cha các bị đơn). Nhận thấy ngày 19/10/2021 bà N gửi đơn khởi kiện đến Tòa án trong khi đó cụ T4 chết 1981, cụ M1 chết 1987 (trên 30 năm) là đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật, đồng thời Tờ chúc ngôn không thể hiện có phần tài sản chung chưa chia và tại phiên tòa bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Đ hoặc các đồng thừa kế của ông Đ thống nhất đất tranh chấp là tài sản chung chưa chia. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà N là có căn cứ pháp luật. Do không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc chia tài sản chung nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tiền bồi thường đất bị thu hồi để thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ C số tiền là 70.721.000đ là phù hợp, nên kháng cáo của bà N là không có cơ sở.

[3] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu ý kiến: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4] Án phí phúc thẩm: Bà N là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35; 39; 91, 92, 147, 148, 227, 228, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 219, 612, 623, 624, 630, 643 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung quyền sử dụng đất, diện tích 285,5m^2 thuộc số thửa 4133, tờ bản đồ số 02 (đối chiếu sang bản đồ chính quy là các thửa số 6, 10, tờ bản đồ số 10).

- Các ông, bà: Đặng Văn T, Đặng Văn C, Đặng Bé N1, Đặng Thị Ý, Đặng Thị T1 và Trương Văn T2 được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 02 (đối chiếu bản đồ chính quy là các thửa số 6, 10, tờ bản đồ số 10), đất toạ lạc xã P, huyện T, tại các mốc 2 – 3 – 4 – 5, diện tích đo đạc 285,5m^2 do ông Đặng Văn Đ đứng tên giấy CNQSDĐ cấp ngày 21/8/2017, trên đất có 01 cái trại dạng nhà tạm, 02 cây dừa và 01 cây xoài (Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 12/10/2022 kèm theo) và được nhận số tiền bồi thường 70.721.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông (Theo tờ thoả thuận ngày 14/12/2022 và Biên lai thu ngày 16/12/2022).

3. Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

+ Bà Đặng Thị N chịu chi phí và đã nộp thanh lý hợp đồng xong.

+ Bà Đặng Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

+ Đặng Văn T, Đặng Văn C, Đặng Bé N1, Đặng Thị Ý, Đặng Thị T1, Trương Văn T2, Đặng Thị T3 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Tam Nông;
- CCTHADS huyện Tam Nông;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Vạng